

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình - ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Hà Bửu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

Chị và Anh Lê Văn Đ qua mai mối mới quan biết nhau, được cha mẹ hai bên sắp đặt tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh Đ có một con chung là Lê Bảo Vy, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay con đang chung sống cùng với anh Đ.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị Lyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con là Lê Bảo Vy, sinh ngày 10/7/2018, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

*Tại biên bản hòa giải ngày 25/5/2022, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa bị đơn Anh Lê Văn Đ trình bày:*

Anh Đ xác định lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Trúc L về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng.

Anh Đ thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị Lcũng có khi không phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi với nhau nhưng không có vấn đề gì lớn để vợ chồng phải ly hôn.

Nay chị Lkhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con là Lê Bảo Vy, sinh ngày 10/7/2018, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị L và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2017, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L và anh Đ đều thừa nhận trong quá trình chung sống anh, chị cũng có khi không phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi với nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị Lkhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Xét thấy anh, chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm nên anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lyêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Đ

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Đ xác định anh, chị có một con chung là Lê Bảo Vy, sinh ngày 10/7/2018. Trong quá trình giải quyết chị L và anh Đ đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu nuôi con của chị L là có cơ sở chấp nhận - Bởi lẽ cháu Lê Bảo Vy, sinh ngày: 10/7/2018 mới được 3 năm 15 ngày tuổi lại là con gái nên xét về mặt tâm lý thì tình cảm sẽ gần gũi và mến mẹ nhiều hơn, sự tận tụy, chu đáo chăm sóc yêu thương của chị L sẽ đảm bảo cho sự phát triển của cháu Vy sau này. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ kiện chị L cho rằng bản thân chị có cơ sở kinh doanh, có thu nhập ổn định từ việc đủ điều kiện để chăm lo cho cháu Vy phát triển về thể chất và tinh thần, chị L có cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh do chị đứng tên. Còn anh Đ cũng cho rằng anh có nghề điện cũng có thu nhập, anh là con út trong gia đình và gia đình anh hiện có ruộng đất đang canh tác nên anh cũng đảm bảo việc nuôi con. Tuy nhiên xét thấy anh Đ có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định mà phụ thuộc vào thời vụ, ruộng đất anh đang canh tác nhưng là tài sản của cha mẹ anh, do cha mẹ anh đứng tên chứ không phải là tài sản của riêng anh. Xét thấy chị L có đầy chứng cứ để chứng minh điều kiện về kinh tế để lo cho cháu Vy phát triển, do đó Hội đồng xét xử nghị nên giao cháu Vy cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ giao con lại cho chị L là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này anh Đ xét thấy chị L không chăm sóc, nuôi dưỡng con được tốt thì anh có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Ly, anh Đ xác định không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008347 ngày 12/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với Anh Lê Văn Đ

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Lê Bảo Vy, sinh ngày 10/7/2018 cho Chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật), Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ giao con lại cho chị Lnuôi dưỡng. Anh Lê Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu nên không giải quyết.

**4. Về tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5. Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Trúc L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008347 ngày 12/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/8/2022.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Dương Văn Hôm**